

MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ NGÂN HÀNG

1. Một số lý thuyết cơ bản về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng

Trong những năm gần đây, sự phát triển kinh tế của các quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào chính sách cũng như cơ cấu hệ thống tài chính của mỗi nước. Với nhiều sự biến động thăng, trầm và thậm chí là khủng hoảng tại một số quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế Đông Á - một thời được coi là tồn tại sự phát triển bền vững - đã gây ra nhiều tranh luận về hệ thống quản lý tài chính của quốc gia. Tuy nhiên, một xu thế - được coi là một hướng đi thích hợp trong bối cảnh hiện nay và được nhiều quốc gia thực hiện - đó là từng bước tiến hành tự do hóa hệ thống tài chính của đất nước.

Xu thế tự do hóa tài chính đã và đang trở thành xu thế lớn của kinh tế học hiện đại và được thể hiện trên thực tiễn qua nhiều khía cạnh, theo một đánh giá của Tổng giám đốc Hiệp hội ngân hàng Pháp thì: “từ hơn 30 năm nay, một số lượng lớn các nước đang dần thân vào con đường tự do hóa hệ thống tài chính của quốc gia; nhưng với những biến động trong thời gian gần đây, câu hỏi được đặt ra là nên tự do hóa như thế nào còn chưa có câu trả lời cụ thể và do đó, rất cần có những tổng kết, kinh nghiệm để đúc kết thành những bài học có tính chất nguyên tắc chung” (Landau, 2001).

Tự do hóa tài chính là một khái niệm rộng và đa dạng, tuy nhiên có thể hình dung được vấn đề qua khái niệm sau đây:

Thứ nhất, tự do hóa tài chính đó là sự xóa bỏ đi các hạn chế, định hướng hay ràng buộc trong quá trình phân bổ nguồn lực tín dụng. Mọi điều tiết trong quá trình phân bổ này được đặt trên nền tảng cơ chế giá; nghĩa là các tổ chức tài chính được quyền tự do xác định lãi suất – tiền gửi và cho vay. Điều này cũng bao hàm việc xóa bỏ mức trần lãi suất cũng như các ràng buộc khác trong việc sử dụng nguồn vốn huy động được (ví dụ như các khoản tín dụng ưu đãi).

Thứ hai, tự do hóa tài chính cũng đồng nghĩa với việc mở rộng cạnh tranh trong các hoạt động tài chính mang tính chất trung gian, điều này đồng nghĩa với việc chấm dứt sự phân biệt đối xử về pháp lý giữa những loại hình hoạt động khác nhau.

Các tranh luận về lý thuyết:

Trên khía cạnh lý thuyết, tự do hóa tài chính dựa trên quan điểm về sự đóng góp của hệ thống tài chính vào việc tăng trưởng kinh tế là một vấn đề hiện đang được tranh cãi. Hiện nay có hai quan điểm lớn đang tồn tại và chúng đối lập với nhau:

Quan điểm 1: Quan điểm này cho rằng hệ thống tài chính có vai trò rất nhỏ bé trong sự phát triển kinh tế “thực”. Nó chỉ đơn thuần cung cấp cho khu vực tư nhân cơ hội hợp pháp để tạo ra hoặc/ và đánh mất tiền. Điều này ngụ ý rằng Chính phủ có thể bỏ qua việc phát triển hệ thống tài chính một cách an toàn (nghĩa là không gây tác hại gì cho nền kinh tế), thậm chí phát triển khu vực tài chính còn gây bất lợi cho sự tăng trưởng và phân phối thu nhập. Kitchen, sau khi nghiên cứu trường hợp của Nigeria đã viết: “Nói chung, hệ thống tài chính nên phát triển sau hơn là đi trước việc phát triển kinh tế. Sự độc lập về chính trị và thiết lập Ngân hàng Trung ương không có tính cách là nền tảng cho sự phát triển. Xu hướng chính của sự phát triển được xác định trên sự thịnh vượng của thị trường xuất khẩu, trên dòng vốn nước ngoài, trên những chính sách về ngân sách và trên những sự kiện chính trị. Hệ thống tài chính đóng vai trò quan trọng cho việc cổ vũ cho các ảnh hưởng đó”. (Kitchen, 1986).

Quan điểm 2: Ngược lại với quan điểm trên, quan điểm này (thường được gọi là quan điểm tự do mới – Neo liberal view) cho rằng hệ thống tài chính phát triển sẽ có tác động tích cực đến việc tăng trưởng kinh tế, do đó nó giữ một vai trò quan trọng trong việc kích thích nền kinh tế tăng trưởng. Theo quan điểm này, thì việc thiếu một hệ thống tài chính phát triển sẽ hạn chế tăng trưởng, vì thế, các chính sách của Chính phủ cần phải hướng đến việc khuyến khích hệ thống tài chính phát triển.

Lý thuyết của trường phái Keynes về đầu tư, tiết kiệm và tăng trưởng

Lý thuyết của trường phái Keynes về đầu tư, tiết kiệm và tăng trưởng là nền tảng của quan điểm thứ nhất. Theo lý thuyết này, tăng trưởng kinh tế cao luôn đi kèm với lạm phát do đầu tư – xét trong một thời điểm, không nhất thiết phải tiết kiệm. Chính phủ có thể chủ động tác động đến tỷ lệ tăng trưởng bằng cách theo đuổi một chính sách tài chính gây lạm phát (Inflationary finance) bắt buộc người dân phải tiết kiệm, gọi là tiết kiệm bắt buộc (forced savings) để bù

đáp vào sự thiếu hụt giữa đầu tư và tiết kiệm. Do đó, hệ thống tài chính đóng vai trò thụ động trong cuộc huy động tiết kiệm và phân bổ nguồn lực.

Bằng việc phân chia các cá nhân thành hai loại: (i) loại thứ nhất có thu nhập trên tiền lương và (ii) loại thứ hai có thu nhập trên lợi nhuận; lý thuyết Keynes cho rằng một chính sách lạm phát cao và lãi suất thực giảm sẽ hấp dẫn hơn đối với các cá nhân thuộc loại hai và do đó họ có động cơ tiết kiệm để đầu tư và giảm tiêu dùng. Loại thứ nhất sẽ chịu sự giảm xuống về thu nhập thực, điều này khuyến khích họ tiêu dùng hơn là tiết kiệm. Như vậy xu hướng tiết kiệm trên lợi nhuận tăng và xu hướng tiết kiệm trên tiền lương giảm. Hệ thống tài chính có nhiệm vụ nhận ký thác các khoản tiết kiệm từ loại cá nhân thứ hai cho đến khi họ đủ nguồn lực để đầu tư mới.

Như vậy, hệ thống tài chính có vai trò rất thụ động và nó chỉ phát triển sau nếu như nền kinh tế phát triển bền vững. Nhưng chính sách tăng trưởng dựa trên lạm phát bị chỉ trích về nhiều mặt: “Có những hiểm họa không thể tránh được liên quan đến chính sách tăng trưởng dựa trên lạm phát. Đe dọa lớn nhất từ cán cân thanh toán nếu ngoại tệ là khan hiếm. Lạm phát cao sẽ khiến cán cân thanh toán của quốc gia chịu áp lực nặng nề và cần thiết phải có chính sách thay thế nhập khẩu hay kiểm soát ngoại hối mà điều này dẫn đến sự phân bổ nguồn lực không hiệu quả. Mối đe dọa đến đầu tư có thể là khi lạm phát quá cao, đầu tư vào máy móc thiết bị trở thành không hấp dẫn so với đầu tư dưới dạng đầu cơ (speculative investment) vào hàng tồn kho, các tài sản ở nước ngoài hay bất động sản... Nếu lãi suất thực âm, điều này có thể gây nên yêu sách lên các nguồn lực thực và không sử dụng chúng.” (Thirdwall, 1994).

Lý thuyết của Shaw và McKinnon về một hệ thống tài chính bị kìm hãm

Đôi lập với lý thuyết của trường phái Keynes về vai trò thụ động của hệ thống tài chính trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các lý thuyết cổ vũ cho quan điểm hệ thống tài chính có vai trò tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đều có chung các giả định rằng hệ thống tài chính là người phân bổ tốt nhất các nguồn lực tài chính thông qua cơ chế chia sẻ rủi ro và chuyển giao có thời hạn (maturity transformation) và trong điều kiện vốn đầu tư là tương đối khan hiếm nhất là tại các nước nghèo có thu nhập thấp thì một hệ thống tài chính được tự do hóa sẽ phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả nhất. Năm 1973 trong tác phẩm

“Tiền tệ và vốn trong phát triển kinh tế”, McKinnon, dựa trên quan điểm của Shaw, đã đưa ra lý thuyết về kiềm hãm và tự do hóa tài chính. Trọng tâm của lý thuyết này là chính phủ không nên can thiệp vào hệ thống tài chính mà để chúng vận động trên cơ sở thị trường tự do. Như vậy nguyên tắc hiệu quả sẽ được tôn trọng và nguồn lực tài chính sẽ được phân bổ một cách tốt nhất.

Lý thuyết của McKinnon dựa trên giả định: đầu tư và tiết kiệm đều phụ thuộc vào lãi suất, trong đó:

- Lãi suất cao làm tăng tiết kiệm (sự phụ thuộc đồng biến). Ngoài ra tiết kiệm cũng phụ thuộc vào thu nhập.
- Đầu tư phụ thuộc nghịch biến vào lãi suất. (Một số đầu tư của chính phủ với mục tiêu phúc lợi công cộng không được xem xét trong lý thuyết này).

McKinnon cũng chỉ ra rằng tại hầu hết các nước đang phát triển, Chính phủ thường thích can thiệp vào hệ thống tài chính nước đó nhằm giữ một mức lãi suất thực thấp hơn mức cạnh tranh, làm cho hệ thống tài chính bị kiềm hãm và không phát triển được. Khi lãi suất bị kiềm hãm ở dưới mức cân bằng thì sẽ không có sự phân bổ nguồn lực, vì một số dự án sinh lợi nhiều hơn có thể không nhận được vốn đầu tư làm hiệu quả trung bình của đầu tư giảm sút. Như vậy, nền kinh tế sẽ đạt mức tăng trưởng chậm hơn các kết quả đạt được khi tháo bỏ một phần việc kiểm soát lãi suất.

Lý giải cho việc giữ lãi suất ở dưới mức cân bằng, chính phủ các nước này thường cho rằng điều này sẽ cải thiện được đầu tư vì các dự án sẽ dễ sinh lợi hơn nhưng các phân tích của lý thuyết McKinnon chứng minh rằng khi hệ thống tài chính bị kiềm hãm (financial repression) đầu tư sẽ giảm và sự can thiệp của chính phủ thường không mang lại hiệu quả kinh tế. Trên cơ sở đó, McKinnon khuyến nghị Chính phủ ở các nước đang phát triển không nên can thiệp vào hệ thống tài chính của nước họ và nên để cho chúng hoạt động theo quy luật thị trường hay nói cách khác là nên để cho hệ thống tài chính tự do (financial liberalization).

Như vậy, theo lý thuyết này hệ thống tài chính nên phát triển trước để cổ vũ cho việc tăng trưởng kinh tế chứ không phải là sản phẩm của sự phát triển. Ngày nay, lý thuyết này đã được ít nhiều chấp nhận tại các quốc gia đang phát triển và trong hai thập kỷ 1970 – 1989 một số nước đã tiến hành cải cách khu vực tài chính theo hướng nói lỏng sự can thiệp của chính phủ vào hệ thống tài chính.

Lập luận của các nhà tân cổ điển

Một trường phái khác, phản ánh quan điểm trái ngược với lý thuyết của McKinnon về tự do hóa tài chính, đó là trường phái tân cổ điển. Các tác giả thuộc trường phái này cho rằng các tác động của Chính phủ vào hệ thống tài chính là tích cực và có tác động cải thiện hiệu quả của việc phân phối vốn. Stiglitz cho rằng tác động tích cực của chính phủ vào hệ thống tài chính thể hiện trên các điểm:

- Lãi suất thấp sẽ cải thiện chất lượng của các khoản cho vay.
- Kim hãm tài chính sẽ khuyến khích việc tăng vốn của các công ty vì chi phí vốn giờ đây đã thấp hơn.
- Kim hãm tài chính có thể được kết hợp bởi những thay đổi cơ cấu khác như những thay đổi trong việc xuất khẩu để khuyến khích tăng trưởng kinh tế.
- Chương trình chỉ định tín dụng khuyến khích việc cho vay vào những khu vực thuộc các ngành công nghệ cao.

Tuy nhiên, theo các nhà nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay chấp nhận quan điểm về vai trò tích cực của hệ thống tài chính trong việc phát triển kinh tế. Nhà nước không nên can thiệp trực tiếp vào hệ thống tài chính vì sự can thiệp này làm mất đi tính chủ động của hệ thống tài chính và làm cho hệ thống tài chính không phát triển được, điều này ảnh hưởng tiêu cực đến việc kích thích nền kinh tế tăng trưởng. Một hệ thống tài chính được tự do hơn sẽ tốt hơn cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Việc phát triển tài chính nên đi trước để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhưng một điều cần lưu ý rằng không phải cứ phát triển hệ thống tài chính một cách nhanh chóng sẽ gặt hái được thành công – đây là một bài toán không có đáp số hoàn hảo chính xác cho mọi tình huống. Về nguyên tắc, tự do hóa tài chính sẽ đóng một vai trò tích cực trong việc huy động nguồn lực tại các quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển với yêu cầu rất cao về vốn. Các hoạt động tài chính trong cơ chế tự do hóa sẽ đảm bảo rằng nguồn lực sẽ được phân bổ hiệu quả cho đầu tư với chi phí thấp nhất có thể. Tuy nhiên, với khá nhiều kết quả nghiên cứu được từ kinh nghiệm của các nước, vấn đề được đặt ra là tại sao cùng một cách tiếp cận chính sách như nhau mà kết quả lại khác nhau ở mỗi quốc gia? Tự do hóa tài chính không tự nó mang lại kết quả tốt mà cần phải có những điều kiện hỗ trợ, có nghĩa là các quốc gia có nền tảng tốt hơn sẽ có khả năng thành công cao hơn trong tiến trình tự do hóa tài chính.

2. Các nội dung cơ bản của hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng

Hội nhập quốc tế của NHTM được đo lường bằng: Thứ nhất, đó là mức độ tự do hoá tài chính trong lĩnh vực ngân hàng. Tự do hoá tài chính trong lĩnh vực ngân hàng là quá trình chuyển đổi từ hệ thống tài chính ngân hàng được điều tiết cứng nhắc và chặt chẽ bằng các công cụ chủ yếu là mang tính mệnh lệnh hành chính sang hệ thống tài chính ngân hàng được điều tiết bằng các công cụ kinh tế một cách linh hoạt, dựa trên các yếu tố của nền kinh tế thị trường; với việc chuyển đổi như vậy sẽ tạo ra một nền tài chính mà chủ yếu là chịu sự tác động và chi phối của các yếu tố thị trường chứ có rất ít hoặc không có sự can thiệp trực tiếp của các cơ quan chức năng và Chính phủ. Mức độ tự do hoá tài chính về ngân hàng càng sâu rộng bao nhiêu thì hội nhập quốc tế về ngân hàng càng nhanh chóng bấy nhiêu, bởi vì lúc đó hệ thống tài chính ngân hàng trong nước càng phù hợp với thông lệ quốc tế. Thứ hai, đó là vấn đề quan hệ quốc tế và mở cửa của hệ thống NHTM trong nước với khu vực và thế giới. Điều này được đo lường bằng mức độ dỡ bỏ các giới hạn, các rào chắn ngăn cách giữa hệ thống tài chính ngân hàng trong nước với khu vực và thế giới, không còn một ranh giới rõ rệt giữa hệ thống ngân hàng nội địa với hệ thống ngân hàng thế giới; mức độ xâm nhập hoạt động ngân hàng của quốc gia đó trên thị trường nước ngoài.

Hội nhập quốc tế về ngân hàng giúp các NHTM trong nước thông qua môi trường cạnh tranh ngày càng tự do hơn và phù hợp với thông lệ quốc tế. Đồng thời giúp ngân hàng trong nước cần nhận thức được tình hình mới để tự nâng cao, hoàn thiện nhằm đương đầu với cạnh tranh và duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính ngân hàng trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới.

Như vậy, các nội dung cơ bản của hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm các nội dung sau:

2.1. Thực hiện tự do hoá tài chính trong lĩnh vực ngân hàng

2.1.1. Tự do hoá lãi suất

Tự do hoá lãi suất là cơ chế lãi suất trong đó có rất ít hoặc không có sự can thiệp của các cơ quan chức năng vào việc hình thành lãi suất mà lãi suất được hình thành trên cơ sở thị trường, vận động theo qui luật cung cầu.

Tự do hoá lãi suất được hiểu là lãi suất hoàn toàn được điều chỉnh theo yêu cầu của thị trường. Sự can thiệp của NHTU đối với lãi suất thị trường được điều hành thông qua các công cụ gián tiếp như lãi suất tái chiết khấu hay tái cấp vốn

đề tác động lên cung cầu vốn trên thị trường tiền tệ nhằm xác lập mức lãi suất cân bằng. Như vậy tự do hoá lãi suất có thể được hiểu là việc tháo bỏ hoàn toàn các ràng buộc về lãi suất trong nền kinh tế, cho phép lãi suất trong nền kinh tế đạt tới điểm cân bằng của nó. Thực chất của tự do hoá lãi suất là một quá trình loại bỏ các quy phạm, giới hạn bất hợp lý, loại bỏ tối đa các kiểm soát về lãi suất trong kinh doanh tiền tệ của khu vực trung gian tài chính và thay thế bằng các biện pháp điều tiết lãi suất gián tiếp của NHTU thông qua các công cụ của chính sách tiền tệ: trong điều hành chính sách lãi suất, NHTU chỉ công bố các mức lãi suất áp dụng đối với các khoản cho vay tái chiết khấu hoặc tái cấp vốn của mình đối với các tổ chức tín dụng. Các mức lãi suất tiền gửi, cho vay cụ thể theo từng thời kỳ, từng đối tượng của các tổ chức tín dụng đối với nền kinh tế sẽ do tổ chức tín dụng tự ấn định, dựa trên cung cầu vốn và sự cạnh tranh trên thị trường, từ đó hình thành nên mức lãi suất phản ánh đúng nhu cầu thị trường. Khi muốn điều hành lãi suất kinh doanh của các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế, phù hợp với mục tiêu của chính sách tiền tệ từng giai đoạn, NHTU sẽ thực hiện thông qua điều hành lãi suất tái chiết khấu của mình đối với các tổ chức tín dụng, từ đó tác động đến lãi suất trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng và cuối cùng sẽ tác động đến lãi suất kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

Tự do hóa lãi suất góp phần làm cho các dòng vốn trong xã hội được tự do lưu chuyển đến bất kỳ đâu, tùy thuộc vào ý muốn của nhà đầu tư mà không phải gặp bất cứ sự ngăn cản phi kinh tế nào. Lãi suất khi đó tự điều chỉnh linh hoạt và nhạy cảm, phản ánh nhu cầu đòi hỏi của thị trường. Nhờ có quá trình tự do hóa lãi suất mà dòng vốn được lưu chuyển từ nơi có lợi nhuận thấp đến nơi có lợi nhuận cao, từ nơi nhiều rủi ro đến nơi mức rủi ro thấp hơn, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo điều kiện ổn định kinh tế vĩ mô, tăng vốn đầu tư phát triển sản xuất, giúp các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển mạnh và có hiệu quả.

Lãi suất nếu chưa được tự do hóa và vẫn bị kiểm soát chặt chẽ trong thời gian dài sẽ gây ra những thiệt hại tổng thể cho nền kinh tế. Trong trường hợp các ngân hàng buộc phải thực hiện cho vay với lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường dưới một sức ép nào đó và phải huy động với lãi suất cao thì chênh lệch lãi suất đầu vào và lãi suất đầu ra sẽ không đảm bảo bù đắp chi phí hoạt động của ngân hàng, như thế các tổ chức tín dụng sẽ không phát triển. Mặt khác, khi phải cho vay với lãi suất thấp và huy động vốn với lãi suất thấp để đảm bảo đủ

bù đắp chi phí, lãi suất thấp sẽ không khuyến khích người dân duy trì nguồn vốn tiết kiệm của mình ở trong nước từ đó dẫn đến tìm kiếm sự tăng trưởng các khoản tiết kiệm và giảm hiệu quả của đầu tư.

Khi kiểm soát lãi suất quá chặt chẽ sẽ khuyến khích sự hình thành các công cụ tài chính và các trung gian tài chính không chính thức phát triển để cạnh tranh với các công cụ tài chính và các trung gian tài chính chính thức bị kiểm soát làm cho quá trình phi trung gian tài chính phát triển và sự trốn tránh các quy chế kiểm soát.

Thực tiễn cho thấy, trong quá trình điều hành nền kinh tế, nhiều quốc gia đặt ra mức trần lãi suất cho vay nhằm kiểm soát cả lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay nghĩa là không tự do hóa lãi suất dẫn đến hậu quả thị trường tài chính không ổn định và không phát huy được tính năng động sáng tạo, không ổn định làm cho hiệu quả trong việc huy động vốn và sử dụng vốn không cao và nhất là không khơi dậy được nguồn vốn tiềm năng của dân cư đầu tư cho sản xuất. Nhà nước điều hành thị trường song chính sách lại tách rời khỏi các thuộc tính của kinh tế thị trường tất yếu không mang lại hiệu quả.

Tiến trình tự do hóa lãi suất ngoài những tác động tích cực còn có những tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến nhiều mặt của nền kinh tế. Nhưng đứng trước bối cảnh hội nhập, các nước cần phải tự do hóa lãi suất, vấn đề là các nước nên chọn cách đi nào cho phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện nay và phải làm thế nào để có thể tận dụng và phát huy tối đa những mặt tích cực mà tự do hóa lãi suất mang lại cũng như hạn chế được tối đa những tác động xấu của cơ chế này. Tự do hoá lãi suất được coi là hạt nhân, là vấn đề cốt lõi của tự do hoá tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, bởi nhờ nó mà làm cho các luồng tài chính vận động một cách thông suốt. Tự do hoá lãi suất là một xu thế khách quan trong quá trình hội nhập. Mức độ tự do hoá lãi suất càng sâu rộng bao nhiêu thì hội nhập quốc tế về ngân hàng càng nhanh chóng bấy nhiêu.

Để tự do hoá lãi suất, cần có những điều kiện sau: Một là, hành lang pháp lý cho hoạt động kinh tế tài chính đã tương đối đồng bộ và hoàn chỉnh. Hai là, thị trường tài chính gồm thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán đã ra đời và vận hành hiệu quả. Ba là, các tổ chức kinh tế đều đảm bảo khả năng sử dụng vốn triệt để và có hiệu quả. Bốn là, môi trường kinh tế vĩ mô đã ổn định và tương đối chắc chắn. Năm là, hệ thống ngân hàng ổn định và hoạt động hữu

hiệu. Sáu là, các nguồn lực trong nước như vốn, tài nguyên, lao động ... đã được phân phối và sử dụng tương đối hợp lý.

2.1.2. Tự do hoá cơ chế tín dụng

Tự do hoá cơ chế tín dụng là tôn trọng các điều kiện khách quan trong hoạt động tín dụng. Tự do hoá tín dụng đòi hỏi phải xóa bỏ các hạn chế, định hướng hay ràng buộc về số lượng trong quá trình cung cấp cũng như phân phối tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động tín dụng cho mọi thành phần kinh tế.

Một biểu hiện cụ thể của việc định hướng tín dụng là Ngân hàng Nhà nước yêu cầu các ngân hàng thương mại quốc doanh mở các tài khoản cho vay theo chỉ định của Chính phủ hay dùng NSNN bao cấp cho một số hoạt động kinh tế, xã hội đã không tính đến hiệu quả sử dụng đồng vốn.

Nội dung tự do hóa hoạt động tín dụng không có nghĩa là hoàn toàn hạ thấp vai trò của Chính phủ. Ở các nước đang phát triển, để duy trì tỉ lệ cần thiết quan trọng trong tín dụng cho nền kinh tế theo sự chỉ định của Chính phủ, Chính phủ có thể can thiệp vào cơ cấu đầu tư cũng như bảo đảm sự lành mạnh của các trung gian tài chính. Tuy nhiên tự do hóa tín dụng, thừa nhận vai trò chính, song không đồng nhất với sự can thiệp quá sâu của Chính phủ vì hậu quả của nó có thể dẫn đến thị trường tài chính bị bóp méo, hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính không cao, thậm chí lãng phí.

Như đã phân tích trên, tự do hóa tín dụng không có nghĩa là Chính phủ hoàn toàn không còn vai trò đối với việc sử dụng các nguồn lực tài chính, để mặc cho thị trường tự điều chỉnh. Nếu vậy sẽ dẫn đến đầu tư sai lệch, các nguồn vốn được tập trung nhiều vào lĩnh vực đang sinh lợi, còn các lĩnh vực khác thì thiếu vốn do khả năng sinh lời thấp hay thiếu hấp dẫn thu hồi vốn chậm, nhất là những ngành đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế, liên quan đến lợi ích cho quốc kế dân sinh, lợi ích công cộng.

Tự do hóa các hoạt động tín dụng không có nghĩa là hoàn toàn tự do mà cần thiết phải có vai trò của Chính phủ. Tuy nhiên vai trò đó chỉ thể hiện ở những dự án lớn theo định hướng phát triển kinh tế của quốc gia. Nhà nước không nên can thiệp quá sâu vào lĩnh vực phân phối tín dụng nhằm tạo điều kiện để các dòng vốn tìm đến nơi cần, theo nguyên tắc chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với phần vốn nhận được, bảo đảm khả năng thu hồi và có lãi.

Nội dung của tự do hoá cơ chế tín dụng: Một là, bãi bỏ hoàn toàn việc ấn định hạn mức tín dụng và các tỷ lệ có liên quan. Hai là, xoá bỏ bao cấp trong hoạt động tín dụng. Ba là, mở rộng tín dụng cho mọi thành phần kinh tế để tận dụng các nguồn lực đang có và tiềm ẩn trong nền kinh tế. Bốn là, xoá bỏ những ràng buộc của hệ thống ngân hàng trong hoạt động tín dụng, nâng cao tính tự chịu trách nhiệm và tính tự chủ, tạo môi trường thông thoáng cho việc cung ứng vốn cho nền kinh tế.

2.1.3. Tự do hoá tỷ giá hối đoái

Tự do hoá tỷ giá hối đoái là để cho diễn biến tỷ giá hối đoái trên thị trường biến động dưới tác động của quan hệ cung cầu là chủ yếu, cơ quan quản lý Nhà nước tránh sự can thiệp trực tiếp và thái quá. Xu hướng toàn cầu hoá đang diễn ra rất nhanh chóng.

Việc giao lưu, thông thương hàng hoá giữa các nước ngày một gia tăng. Tỷ giá hối đoái là một trong những nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp đến hoạt động đó. Vì vậy, yêu cầu các quốc gia dần phải từ bỏ cách kiểm soát quá chặt chẽ tỷ giá, đưa đồng bản tệ có khả năng chuyển đổi cao. Khi Chính phủ và NHTU từ bỏ việc can thiệp của mình và để cho tỷ giá được tự do xác định trên thị trường thì nước đó đang theo đuổi chính sách tỷ giá tự do. Vì vậy, tự do hoá tỷ giá là một quá trình tiến tới cho phép tỷ giá được tự xác định trên thị trường.

Tự do hoá tỷ giá hối đoái bao gồm những nội dung chính sau: Thứ nhất, bãi bỏ tỷ giá cố định với việc công bố tỷ giá chính thức. Thứ hai, nới lỏng biên độ giao dịch và tiến tới xoá bỏ biên độ giao dịch tỷ giá trong hoạt động kinh doanh của NHTM. Thứ ba, để cho tỷ giá biến động theo tương quan cung cầu trên thị trường và chỉ can thiệp có giới hạn khi xét thấy cần thiết.

Tự do hoá tỷ giá cũng tiềm ẩn trong đó những bất ổn nhất là đối với những nền kinh tế đang phát triển. Chẳng hạn như tỷ giá cao ảnh hưởng tới việc nhập khẩu, tỷ giá thấp ảnh hưởng tới xuất khẩu ... bên cạnh đó còn các vấn đề kinh tế khác sẽ có những diễn biến xấu khi tỷ giá thay đổi quá đột ngột như tỷ lệ lạm phát, lượng cung cầu ngoại tệ. Vì vậy, không một cơ chế của quốc gia nào về tỷ giá lại thả nổi hoàn toàn, vì như vậy, vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước sẽ bị triệt tiêu. Chính vì vậy, hầu hết các nước áp dụng cơ chế tự do hoá tài chính, thì tỷ giá cũng sẽ được thả nổi nhưng có quản lý, nghĩa là không thả nổi hoàn toàn.

Để thực hiện tự do hoá tỷ giá hối đoái phải có một số điều kiện nhất định: Một là, thị trường hối đoái phải được hình thành trước và hoạt động trôi chảy. Hai là, lưu thông tiền tệ trong nước tương đối ổn định và được kiểm soát tốt. Ba là, hoạt động kinh tế tài chính đối ngoại phải tương đối ổn định. Bốn là, dự trữ ngoại hối phải đủ lớn, cán cân vãng lai thặng dư và tương đối ổn định. Năm là, hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế hoạt động hiệu quả và ổn định.

2.1.4. Tự do hoá quản lý ngoại hối và các luồng vốn quốc tế

Tự do hoá quản lý ngoại hối và các luồng vốn quốc tế đó là làm cho các nguồn vốn nước ngoài và trong nước tự do luân chuyển, tạo sự hấp thụ có hiệu quả các nguồn vốn từ bên ngoài để phát triển kinh tế, bên cạnh đó mở rộng giao lưu kinh tế thương mại với các nước trên thế giới, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

Nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế không chỉ huy động từ nội bộ mỗi quốc gia mà còn từ bên ngoài từ các mối quan hệ song phương và đa phương với các nước khác. Quan hệ ngoại thương là cần thiết và tất yếu khách quan nhất là trong bối cảnh hiện nay các quốc gia đều có xu hướng tham gia vào các khối tự do thương mại và mậu dịch thì tự do hoá hoạt động ngoại hối sẽ giúp cho quan hệ thương mại diễn ra thuận lợi và nhanh chóng hơn.

Với xu thế vận động và phát triển của nền kinh tế thế giới, chúng ta đang từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII [49]: “xây dựng một nền kinh tế mở”, “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”. Không nước nào đứng một mình có thể phát triển một cách thuận lợi được trong thời đại ngày nay. Vấn đề đặt ra là ở chỗ: “làm sao để hoà nhập nhưng không hoà tan”.

Xu thế chung của các quốc gia trên thế giới đang mở cửa biên giới, bãi bỏ các rào cản mậu dịch và nới lỏng dần các biện pháp kiểm soát tài chính để hội nhập toàn cầu nếu không muốn tụt hậu, đứng bên lề cuộc chạy đua tăng trưởng kinh tế. Trao đổi giao lưu kinh tế hàng hoá đang ngày càng được mở rộng, thông thoáng và tất yếu là cùng với nó dòng vốn cũng lưu chuyển mạnh mẽ hơn ở phạm vi quốc gia và quốc tế.

Với vị trí quan trọng của các nguồn lực tài chính, lĩnh vực ngân hàng giữ vai trò huyết mạch của nền kinh tế, thông qua các chính sách và công cụ để điều hành nền kinh tế. Để hội nhập thành công, chúng ta cần tạo ra hành lang pháp lý

trên cơ sở tôn trọng các qui luật kinh tế khách quan của thị trường, tạo điều kiện cho các chủ thể trên thị trường có thể tự do quyết định việc hình thành và sử dụng các nguồn lực tài chính theo tín hiệu thị trường.

2.2. Thực hiện mở cửa quan hệ của hệ thống ngân hàng thương mại trong nước với khu vực và thế giới

Hiện nay, toàn cầu hóa đang diễn ra ở cấp độ quốc tế hóa kinh tế theo hai quá trình song song là tự do hóa kinh tế và hội nhập quốc tế. Theo đó, các quốc gia hoặc chủ động hoặc bị động phải nhận thức và thiết lập các thể chế, qui chế trong quan hệ kinh tế quốc tế để cùng tuân theo những cam kết mang tính toàn cầu đa dạng đó. Có thể điểm qua một số thiết chế quản trị toàn cầu nổi bật đã hình thành và đang đóng vai trò phi biên giới rất rõ rệt trong lĩnh vực kinh tế, xã hội quốc tế như: Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), ... không có nước nào, không có ngành nào ở ngoài quá trình toàn cầu hóa và ngành ngân hàng cũng vậy. Chính vì vậy mà NH trong nước cần phải nhanh chóng chủ động tích cực trong việc hợp tác các tổ chức tài chính tiền tệ trong khu vực và thế giới.

Khi nền kinh tế thế giới ngày càng toàn cầu hóa, hợp tác là một điều cần thiết và hữu ích. Trong hoàn cảnh đó, nếu không hội nhập thì không thể theo kịp đà phát triển của các nước khác trên thế giới đặc biệt trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Năng suất lao động trong ngành tài chính ngân hàng còn thấp do việc đầu tư công nghệ cũng như quản trị nguồn nhân lực chưa đạt hiệu quả cao, khả năng dự báo và đánh giá còn kém vì thế khó có thể đưa ra những biện pháp cũng như định hướng để phát triển kinh tế tốt. Chính vì vậy cần phải hợp tác với các tổ chức tài chính, tiền tệ giúp cho nền kinh tế trong nước có cơ hội tiếp nhận những công nghệ mới trong ngành tài chính ngân hàng, cũng như có được những đánh giá, dự báo của các chuyên gia giỏi, hàng đầu về ngành này và cả trong nhiều lĩnh vực khác từ đó có những chủ trương và chính sách đúng đắn hơn nhằm mục tiêu khôi phục và phát triển kinh tế.

Tóm lại, hợp tác tài chính tiền tệ giúp có những khoản viện trợ về khoa học công nghệ trong ngành NH mà hơn thế nữa là có thể tiếp nhận nguồn vốn nước ngoài một cách dễ dàng hơn. Hợp tác tài chính với các nước trong khu vực và thế giới giúp các nước ứng phó với khủng hoảng...

3. Bài học kinh nghiệm về hội nhập quốc tế của ngân hàng thương mại ở các nước

3.1. Các bước hội nhập quốc tế về ngân hàng ở các nước

- Các quy định về quản lý ngoại hối dần được nới lỏng: Trước những năm 1970, hầu hết các quốc gia đều siết chặt các quy định về ngoại hối nhằm ngăn chặn sự mất giá của USD để tuân thủ thỏa thuận về chế độ bản vị USD/Vàng của Hiệp ước Bretton Wood nhằm đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế trong nước cũng như bảo vệ lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, từ sau năm 1973 đến nay, các quốc gia lần lượt nới lỏng các quy định về quản lý ngoại hối nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư có thể luân chuyển vốn từ các quốc gia này sang quốc gia khác một cách dễ dàng hơn dưới áp lực của nhu cầu đầu tư và mở rộng thương mại ra phạm vi khu vực và thế giới của các doanh nghiệp, nhằm thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp hoặc gián tiếp hơn cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Từng bước thực hiện tự do hóa lãi suất: Quá trình tự do hóa lãi suất được các nước thực hiện theo trình tự trong từng giai đoạn nhất định: đối với lãi suất nội tệ được tự do hóa trước so với lãi suất của các đồng ngoại tệ, còn lãi suất huy động được tự do hóa trước và sau đó là tự do hóa lãi suất cho vay.

- Từng bước thực hiện tự do hóa cơ chế tín dụng: Trong giai đoạn đầu do khả năng của NHTW trong việc kiểm tra, giám sát và đảm bảo an toàn hệ thống cho hệ thống tài chính tiền tệ quốc gia cũng như năng lực cấp tín dụng của các NHTM còn yếu kém cho nên cơ chế tín dụng của hầu hết các quốc gia đều bị kiểm soát chặt chẽ. Sau đó, NHTW của các nước đã từng bước nới lỏng dần và tiến tới cho phép các NHTM được quyền tự quyết khi xem xét các hồ sơ tín dụng theo nguyên tắc thị trường, hoàn toàn tự do hóa trong hoạt động cấp tín dụng của các NHTM.

- Các điều chỉnh hạn chế cạnh tranh trong kinh doanh ngân hàng trong nước được nới lỏng và bãi bỏ: Chính phủ từng bước nới lỏng và tiến tới bãi bỏ các hạn chế cạnh tranh trong kinh doanh ngân hàng nội địa trước áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng của các chủ thể cung cấp các dịch vụ tài chính – ngân hàng của các NHTM và định chế tài chính phi ngân hàng trong làn sóng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới của các quốc gia phát triển. Theo đó, nhằm để tạo điều kiện cho các ngân hàng nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước cũng

như hội nhập với khu vực và thế giới, chính phủ các nước cho phép các tổ chức ngân hàng mở rộng hơn hoạt động của mình trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, ngân hàng, thành lập hoặc mua lại các tổ chức phi ngân hàng.

- Các qui định hạn chế kinh doanh của các ngân hàng có yếu tố nước ngoài từng bước được nới lỏng: Các quốc gia thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) chiếm trên 95% thị phần thị trường sản phẩm tài chính, ngân hàng của thế giới đã chính thức mở cửa tự do hóa hoàn toàn thị trường tài chính - ngân hàng của mình cho các chủ thể có yếu tố nước ngoài tự do tham gia cạnh tranh và cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính cho thị trường nội địa. Như vậy, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh của các công ty xuyên và đa quốc gia cũng như nhằm thu hút nhiều hơn đầu tư nước ngoài trên mọi lĩnh vực khác nhau thì các quốc gia cũng đã từng bước nới lỏng các qui định hạn chế về kinh doanh của các ngân hàng có yếu tố nước ngoài.

- Nhằm giảm bớt tỉ lệ sở hữu của Nhà nước trong các ngân hàng để khắc phục những nhược điểm trong các ngân hàng thuộc sở hữu của Nhà nước. Chính phủ các nước tiến hành thực hiện cổ phần hóa hoặc tư nhân hóa các ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước để lành mạnh hóa về tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện cho các ngân hàng này hoạt động theo nguyên tắc thị trường và cho phép các ngân hàng cung cấp ngày càng đa dạng hơn các dịch vụ tài chính. Bên cạnh đó, Chính phủ các nước khuyến khích việc hình thành các tập đoàn tài chính kinh doanh toàn cầu. Điều này giúp các quốc gia thúc đẩy sự mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp khác ra ngoài phạm vi quốc gia với sự hỗ trợ về tài chính và hỗ trợ khác từ các tập đoàn tài chính – ngân hàng này. Các tập đoàn tài chính, ngân hàng được khuyến khích hình thành với cơ cấu phức tạp, quy mô tài sản, quy mô vốn đủ lớn để bảo vệ sự an toàn của hệ thống tài chính ngân hàng trong nước cũng như gia tăng khả năng cạnh tranh của các tập đoàn này ở phạm vi khu vực và thế giới.

3.2. Kinh nghiệm hội nhập quốc tế về ngân hàng ở một số nước trên thế giới

3.2.1. Ở Hàn Quốc

Từ những năm đầu thập niên 80, Hàn Quốc bắt đầu thực hiện cải cách tài chính theo hướng tự do hóa bằng việc: từng bước xóa bỏ hạn chế về lãi suất và tỷ giá; tư nhân hóa các NHTM quốc doanh; khuyến khích cạnh tranh trong thị

trường tài chính; xóa bỏ cho vay ưu đãi và hạn chế chương trình chỉ đạo tín dụng; cho phép các ngân hàng nước ngoài được phép mở chi nhánh hoạt động ...

Sau năm 1993, để giúp các NHTM hội nhập quốc tế, Hàn Quốc cho phép các NHTM được phép mở rộng phạm vi hoạt động nhằm cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng hơn cho thị trường. Bên cạnh đó, tiếp tục nới lỏng, giảm bớt sự kiểm soát của NHTU, trao quyền tự chủ cho các ngân hàng trong việc điều hành công cuộc kinh doanh của mình.

Hàn Quốc đã đẩy mạnh việc mở cửa dịch vụ tài chính cho các ngân hàng nước ngoài tham gia cạnh tranh sau khủng hoảng tiền tệ châu Á 1997 nhằm thúc đẩy việc tái cơ cấu và tái tổ chức lại hệ thống ngân hàng trong nước.

3.2.2. Ở Thái Lan

Kể từ 1990, Thái Lan bắt đầu thực hiện lại quá trình hội nhập quốc tế về ngân hàng (lần đầu tiên là đầu những năm 1970 thông qua quá trình cải cách lãi suất nhưng không thành công do tác động xấu của kinh tế thế giới).

Quá trình hội nhập quốc tế về ngân hàng ở Thái Lan được thực hiện thông qua các chương trình: hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về giám sát hoạt động của các ngân hàng, các yêu cầu mang tính luật định về tỷ lệ an toàn vốn theo tiêu chuẩn Basel; thả nổi lãi suất, thả nổi việc quản lý các giao dịch ngoại hối và mở rộng phạm vi kinh doanh cho các NHTM. Sự tham gia của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thái Lan được nới rộng hơn so với trước đây kể từ sau khủng hoảng tiền tệ châu Á 1997, nhằm thúc đẩy cho quá trình tái cơ cấu lại hệ thống ngân hàng của Thái Lan. Về cơ bản, các ngân hàng nước ngoài được tham gia kinh doanh tất cả các hoạt động như các ngân hàng trong nước trừ việc mở thêm chi nhánh. Thái Lan cũng cho phép người nước ngoài được quyền sở hữu 100% cổ phiếu của ngân hàng Thái Lan. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho ngân hàng trong nước chuẩn bị cạnh tranh và hội nhập, Thái Lan cũng sử dụng một số biện pháp nhất định về yêu cầu dự trữ, vốn tự có, số nhân viên để hạn chế sự xâm nhập quá nhanh vào hệ thống ngân hàng trong nước của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3.2.3. Ở Trung Quốc

Trung Quốc là quốc gia điển hình thông qua các cam kết trong quá trình đàm phán gia nhập WTO để thực hiện hội nhập quốc tế khu vực ngân hàng. Với

việc tiến hành từng bước, Trung Quốc đã thực hiện tiến trình hội nhập quốc tế của mình và được hỗ trợ bằng các chương trình cải cách nhằm củng cố khu vực DNNN, các khu vực tài chính, đặc biệt là trong khu vực ngân hàng.

Phương pháp hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng của Trung Quốc bao gồm: tự do hoá các hạn chế đối với sự tham gia và hoạt động của các ngân hàng nước ngoài thông qua việc cho phép mua các cổ phần thiểu số mang tính chất đối tác chiến lược trong các NHTM quốc doanh trung bình hoặc lớn hơn nhưng không được quyền chi phối và cho phép thành lập mới các ngân hàng 100% vốn nước ngoài. Các NHTM quốc doanh lớn sẽ thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu trên các thị trường vốn quốc tế và có thể bán cho các đối tác chiến lược nhằm thu hút các luồng vốn quốc tế. Quá trình cải cách này được tiến hành đồng thời với các biện pháp tăng cường công tác thanh tra, giám sát nhằm phát triển các thị trường vốn, cải thiện các công cụ và điều hành chính sách kinh tế vĩ mô thông qua việc thiết lập một cơ quan thanh tra ngân hàng độc lập.

3.2.4. Ở các nước phát triển

Sau khi các nước đã phát triển một hệ thống tài chính – ngân hàng ở mức độ nhất định mới mở cửa hội nhập quốc tế ngành NH. Hội nhập quốc tế đối với các nước này là một lựa chọn chính sách nhằm tăng cường khả năng tăng trưởng nền kinh tế thông qua các hình thức khuyến khích cạnh tranh và phân bổ hiệu quả hơn các nguồn lực.

Hội nhập quốc tế của các nước phát triển tiến hành với các đặc điểm như sau:

Một là, các thị trường vốn tương đối phát triển và thường được tự do hoá trước khi mở cửa hệ thống ngân hàng.

Hai là, các NHTM quốc doanh thường được tổng công ty hoá trước khi tư nhân hoá. Đối với một số ngân hàng vẫn thuộc sở hữu Nhà nước, Chính phủ sẽ thành lập một pháp nhân độc lập thay mặt Chính phủ đóng vai trò cổ đông.

Ba là, vì đa số các ngân hàng ở các nước phát triển đã có đủ nội lực để hoạt động theo sở hữu tư nhân nên quá trình tư nhân hoá các ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước không cần các đối tác chiến lược.

3.2.5. Ở các nước Đông Âu chuyển đổi

Nhìn chung, các nước thuộc Đông Âu cũ đều nhanh chóng hội nhập quốc tế hệ thống tài chính của mình. Nhiều nước Đông Âu tăng cường các hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng với kỳ vọng sớm đáp ứng được các tiêu chuẩn để gia nhập EU. Quá trình hội nhập ở một số nước được thực hiện thông qua việc áp dụng một cách rập khuôn toàn bộ hệ thống ngân hàng mới theo nền kinh tế thị trường thay thế cho hệ thống ngân hàng một cấp trước đây.

Hội nhập quốc tế của các nước Đông Âu chuyển đổi tiến hành với các đặc điểm như sau:

Một là, kiên quyết giảm sở hữu Nhà nước trong các ngân hàng.

Hai là, cho phép người nước ngoài mua cổ phần chi phối trong các ngân hàng đã từng là NHTM quốc doanh, các nhà đầu tư nước ngoài chủ yếu quan tâm mua lại các ngân hàng hoạt động yếu kém và không muốn thành lập các ngân hàng mới khó cạnh tranh với các ngân hàng trong nước.

Ba là, Chính phủ các nước này thường cho phép các NH con hơn là các chi nhánh.

3.3. Bài học kinh nghiệm rút ra từ hội nhập quốc tế về ngân hàng ở một số nước trên thế giới cho Việt Nam

Mỗi quốc gia có cách thức thực hiện tiến trình hội nhập quốc tế về ngân hàng khác nhau, nhưng những bài học kinh nghiệm chung nhất có thể rút ra như sau:

- Thực hiện tự do hóa lãi suất: Lãi suất sẽ được xác định thông qua cung cầu vốn trên thị trường, lãi suất áp dụng trong kinh doanh sẽ do ngân hàng tự định đoạt. Nhà nước chỉ thực thi các chính sách lãi suất thông qua các nghiệp vụ của NHTƯ để kiểm soát chung. Các ngân hàng sẽ cạnh tranh nhau để thu hút vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của mình.

- Thực hiện tự do hóa cơ chế tín dụng: Nhà nước không có sự can thiệp trực tiếp việc phân bổ tín dụng vào quá trình hoạt động của các ngân hàng, mà việc phân bổ vốn tín dụng cho nền kinh tế sẽ dựa trên tiêu chí hiệu quả đầu tư, và chính các ngân hàng phải chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng cho nền kinh tế của họ.

- Thực hiện tự do hóa cơ chế quản lý ngoại hối: Nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư có thể luân chuyển vốn từ các quốc gia này sang các quốc gia khác một cách dễ dàng hơn, Chính phủ các nước tiến hành nới lỏng các qui định về quản lý ngoại hối nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Thực hiện tự do hóa tỷ giá hối đoái: để cho diễn biến tỷ giá hối đoái trên thị trường biến động dưới tác động của quan hệ cung cầu là chủ yếu, tránh sự can thiệp trực tiếp và thái quá của cơ quan quản lý.

- Các NHTM Nhà nước có thể giữ được thị phần của mình trong một thị trường đang tăng trưởng nhanh chóng nhưng về lâu dài trong bối cảnh hội nhập quốc tế khó có thể duy trì được nếu đặt dưới sự sở hữu tập trung của Nhà nước. Vì vậy, các NHTM Nhà nước nếu không được chuyển sang hoạt động hoàn toàn trên cơ sở cạnh tranh, sự phát triển của hệ thống ngân hàng sẽ bị hạn chế và Chính phủ sẽ phải gánh chịu những hậu quả phát sinh từ hoạt động kém hiệu quả của các ngân hàng này. Để giữ vị trí có tính chất chi phối của mình, các ngân hàng này cần chuyển đổi theo một cấu trúc có tính cạnh tranh đầy đủ, cho phép phản ứng được với các tác nhân thị trường trong chiến lược kinh doanh và quy trình quản lý.

- Việc trì hoãn sự tham gia của ngân hàng nước ngoài để có thời gian cho các ngân hàng trong nước cải cách là một chiến lược không phù hợp từ khi các cam kết về cải cách là chắc chắn. Những hạn chế làm tăng chi phí tương đối của các NHNNg trong quá trình tham gia thị trường có thể tạo ra lợi thế cho các ngân hàng trong nước nhưng lại dẫn đến mức độ cạnh tranh thấp trên thị trường và hoạt động kém hiệu quả. Một khi đã cho phép ngân hàng nước ngoài vào hoạt động thì việc hạn chế sự tham gia trên cơ sở nguồn gốc quốc gia sẽ giảm áp lực cạnh tranh.

- Nguyên tắc chung của hội nhập quốc tế về ngân hàng là tiến tới đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc và thực hiện các chính sách khuyến khích cạnh tranh. Cho phép thực hiện sáp nhập và mua lại các ngân hàng trong nước, đồng thời cho phép các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các ngân hàng con và tham gia với lộ trình phù hợp. NHTU

cần nghiên cứu tách biệt giữa trách nhiệm đối với chính sách tiền tệ và thanh tra, giám sát khu vực ngân hàng. Tăng cường năng lực giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ, phối hợp giữa các cơ quan thanh tra. Khuyến khích sử dụng

các yêu cầu về vốn tối thiểu theo yêu cầu về vốn quy định trong thoả thuận Basel.

- Một khuôn khổ đảm bảo an toàn, quản trị kinh doanh, giám sát phù hợp và các chính sách khuyến khích thị trường là những yếu tố quan trọng để hoạt động ngân hàng đạt kết quả tốt trong dài hạn. Các chính sách của chính phủ duy trì sự kiểm soát trực tiếp đối với hoạt động ngân hàng có xu hướng làm giảm khả năng và các động lực đổi mới và do vậy giảm lợi thế so sánh của các ngân hàng trong nước.

- Sở hữu Nhà nước chi phối trong các ngân hàng cần được nắm giữ ở mức phù hợp sao cho không ảnh hưởng tới mức độ cạnh tranh của hệ thống ngân hàng (nếu các ngân hàng có sở hữu Nhà nước chi phối thì các ngân hàng này cần phải có khả năng hoạt động như một pháp nhân độc lập). Có mức độ cạnh tranh cao thì hệ thống ngân hàng mới đạt hiệu quả.

- Kinh nghiệm của các nước phát triển và đang phát triển cho thấy sự tham gia thị trường của các NHNNg không gây tác động lớn đến sự luân chuyển vốn ngắn hạn. Trình tự hội nhập quốc tế tối ưu tùy thuộc vào mức độ phát triển của hệ thống tài chính ngân hàng. Tự do hoá tài khoản vốn mang lại nhiều lợi ích về mặt tiếp cận các nguồn vốn, nhưng từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á cho thấy việc tự do hoá như vậy cũng tạo ra các rủi ro ở những nước có công tác quản trị ngân hàng thiếu hiệu quả và hoạt động thanh tra hệ thống ngân hàng yếu kém. Hệ quả là phải điều chỉnh các vấn đề này trước khi tiến hành tự do hoá tài khoản vốn cho các luồng vốn ngắn hạn chảy vào.

- Cần phải xây dựng một môi trường pháp lý ngân hàng trong nước hấp dẫn với các cơ chế chính sách nhất quán, công tác thanh tra giám sát an toàn với mức độ độc lập cao, có quy định quyền sở hữu rõ ràng, chế độ báo cáo và kiểm toán minh bạch, tạo lập một sân chơi bình đẳng và hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh để tất cả các ngân hàng trong nước và nước ngoài phát triển.

Còn những bài học kinh nghiệm từ cải cách tài chính theo khuynh hướng tự do hóa, theo các chuyên gia của ngân hàng thế giới, được xuất bản trong tuyển tập chính sách và nghiên cứu “Các hệ thống tài chính và sự phát triển khi nghiên cứu về cải cách tài chính và tự do hóa tài chính” [80], thì có các bài học kinh nghiệm sau đây:

Thứ nhất, phải tính đến những tác động hai chiều của bất kỳ một chương trình nào của Chính phủ về tự do hóa tài chính để có biện pháp ứng phó khi có tác động ngược xảy ra.

Thứ hai, quá trình tự do hóa tài chính sẽ dẫn đến những đổ vỡ hàng loạt các ngân hàng nếu việc nói lỏng sự can thiệp trực tiếp của Chính phủ vào khu vực tài chính mà không được thay thế bằng một hệ thống luật pháp phù hợp.

Thứ ba, vấn đề tự do hóa thương mại và điều chỉnh tỷ giá hối đoái linh hoạt nên đi trước một bước so với tự do hóa tài chính để tránh thiệt hại cho nền kinh tế - xã hội.

Thứ tư, ở những nước nào còn chưa ổn định kinh tế vĩ mô thì việc tự do hóa tài chính phải hết sức thận trọng, duy trì sự kiểm soát đối với các luồng vốn và lãi suất rồi dần dần nói lỏng sự kiểm soát đó để đi đến tự do hóa tài chính. Cải cách tài chính theo hướng tự do hóa mà trước hết là sự tự do hóa lãi suất trong bối cảnh kinh tế vĩ mô không ổn định sẽ càng làm cho tình trạng không ổn định thêm trầm trọng.



TTBD ĐBDC